

Bản án số: 760/2019/HS-PT

Ngày: 28 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Đặng An Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 09/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Trần Xuân T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2018/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Xuân T, sinh năm 1982 tại tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn 8, xã C, huyện R, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Công an xã C, huyện R, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân M, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1952; có vợ là Vũ Thị H1, sinh năm 1991 và 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-4-2018 đến ngày 04-7-2018. Bị cáo tại ngoại (Có mặt)

(Trong vụ án còn có bị hại, người làm chứng không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, bà Nguyễn Thị Ngọc X, trú tại thôn 8, xã C, huyện R bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Án có hiệu lực thi hành nhưng do bà X bị bệnh suy tim độ III, nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông cho bà X được hoãn chấp hành hình phạt tù trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 24-10-2014. Tháng 9-2015, khi sắp hết hạn được hoãn chấp hành hình phạt tù, bà X muốn tiếp tục được hoãn nên làm hồ sơ gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xin tiếp tục được hoãn lần 2 với lý do bị bệnh suy tim độ III. Đồng thời, do quen biết với Trần Xuân T, lúc này là T Công an xã C, nên bà X đã nhờ T xin được hoãn chấp hành hình phạt tù. Lợi dụng việc bà X có đủ điều kiện được hoãn thi hành án nên T đã nhiều lần nói với bà X là T có mối quan hệ quen biết, có thể xin cho bà X tiếp tục được hoãn chấp hành án, bà X phải đưa tiền cho T để liên hệ. Bà X tưởng thật nên nhiều lần đưa tiền cho T như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 10-2015, sau khi gửi đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xin hoãn thi hành án phạt tù, bà X nhờ Trần Xuân T xin cho bà X được hoãn thi hành án. T nói với bà X tiền để T xin cho bà X được hoãn hình phạt tù. Do tưởng thật nên bà X nhiều lần đưa tiền cho T, với tổng số tiền là 180.000.000 đồng. Đến ngày 16-10-2015, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông căn cứ hồ sơ xin hoãn thi hành án của bà X nhận thấy có đủ điều kiện hoãn thi hành án theo quy định của pháp luật nên đã ban hành quyết định hoãn thi hành án phạt tù đối với Nguyễn Thị Ngọc X trong thời hạn một năm tính từ ngày 25-10-2015. Sau khi nhận được quyết định hoãn thi hành án đối với bà X của Tòa án nhân dân tỉnh gửi đến Công an xã C, T phô tô đưa cho bà X một bản và nhận là mình đã lo cho bà X được hoãn thi hành án.

Lần thứ hai: Khi chuẩn bị hết hạn hoãn chấp hành án năm 2015, sau khi bà X nộp đơn xin hoãn chấp hành án gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông để xin tiếp tục hoãn thi hành án. Do nhầm tưởng lần thứ nhất mình được hoãn thi hành án là do T xin giúp nên bà X lại nhờ Trần Xuân T tiếp tục lo xin cho bà X được hoãn thi hành án. T nói với bà X đưa tiền cho T để xin cho bà X được tiếp tục được hoãn thi hành án. Bà X tưởng thật nên đã 02 lần đưa tiền cho T tại nhà của bà X, với tổng số tiền là 180.000.000 đồng. Căn cứ hồ sơ xin hoãn thi hành án của bà X thấy có đủ điều kiện hoãn thi hành án theo quy định của pháp luật nên ngày 05-11-2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành quyết định hoãn thi hành án phạt tù đối với Nguyễn Thị Ngọc X trong thời hạn một năm, tính từ ngày 05-11-2016. Sau khi Công an xã C nhận được quyết định hoãn thi hành án đối với bà X của Tòa án nhân dân tỉnh gửi đến, T lại phô tô đưa cho bà X một bản và cũng nhận là mình đã xin cho bà X được hoãn thi hành án.

Lần thứ 3: Khi đã hết thời hạn hoãn chấp hành án năm 2016 (quá ngày 05-11-2017), do nhầm tưởng 02 lần trước T xin cho mới được hoãn thi hành án nên

bà X tiếp tục nhờ T xin hoãn chấp hành án phạt tù cho mình. T lại nói bà X đưa tiền để xin cho bà X tiếp tục được hoãn thi hành án phạt tù. Để tạo sự tin tưởng, T tự soạn đơn xin tạm hoãn chấp hành hình phạt tù giúp bà X rồi đưa cho anh Nguyễn Nhi K (con bà X) để Khoa đưa cho bà X ký, sau đó nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Đồng thời, T chỉ cho bà X đến xã N1, huyện N2 lấy lý do chữa bệnh để tránh mặt chờ T xin hoãn chấp hành án. Bà X tưởng thật nên làm theo lời T, đồng thời bà X đưa tiền cho T 02 lần, tổng cộng là 40.000.000 đồng cụ thể: Bà X nhờ anh K (con trai bà X) trực tiếp đưa số tiền 20.000.000 đồng cho T tại nhà T ở thôn 8, xã C và bà X nhờ anh K nộp vào số tài khoản của T 20.000.000 đồng. Sau đó, T đã chuyển 10.000.000 đồng vào số tài khoản 102000275783 của Nguyễn Thị Tuyết M mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Chi nhánh Sài Gòn và chuyển 10.000.000 đồng vào số tài khoản 5300205420070 của Dương Thị Ánh N3 mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh tỉnh Đắk Nông. Qua kiểm tra hồ sơ xin hoãn thi hành của bà X và kết quả xác minh thấy bà X không có nơi cư trú ổn định không đủ điều kiện được hoãn thi hành án nên ngày 17-01-2018 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thông báo cho bà Nguyễn Thị Ngọc X biết bà X không đủ điều kiện được hoãn chấp hành hình phạt tù. Biết bị T lừa nên ngày 01-3-2018, bà X có đơn đến Cơ quan Công an tố cáo Trần Xuân T lừa đảo chiếm đoạt của bà X tổng số tiền là 845.000.000 đồng tuy nhiên chỉ có căn cứ xác định Trần Xuân T đã lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc X 400.000.000 đồng thông qua thủ đoạn xin hoãn chấp hành án như đã nêu trên.

Cáo trạng số: 39/CTr-VKS-P3 ngày 01-8-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Trần Xuân T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Trần Xuân T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-4-2018 đến ngày 04-7-2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 28/11/2018 bị cáo Trần Xuân T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và tuyên bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Xuân T thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai, bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn và hiện đang bị bệnh hiểm nghèo, bị cáo đang phải ngồi xe lăn không tự thực hiện được các hoạt động cá nhân, đồng thời bệnh của bị cáo cần có thuốc đặc trị nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo để có thể điều trị bệnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ nên có căn cứ để xem xét. Hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản án sơ thẩm đã tuyên và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã trình bày được tình tiết mới là bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải. Tuy nhiên, xét tính chất hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra thì mức án 03 năm 06 tháng tù là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Năm 2014, bà Nguyễn Thị Ngọc X bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Án có hiệu lực thi hành nhưng do bà X bị bệnh suy tim độ III nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông cho bà X được hoãn chấp hành hình phạt tù trong thời hạn 01 năm. Hết thời hạn bà X muốn tiếp tục hoãn thi hành án nên đã làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Đồng thời, do quen biết với Trần Xuân T – lúc này đang làm T công an xã C nên bà X đã nhờ T xin được hoãn thi hành án. Lợi dụng việc bà X có đủ điều kiện để xin hoãn thi hành án nên T dù không có khả năng xin tạm hoãn thi hành án cho bà X nhưng T vẫn nói với bà X là T có quen biết và có thể xin cho bà X. Bằng thủ đoạn trên T đã 03 lần lừa đi xin hoãn thi hành án cho bà X và chiếm đoạt của bà X tổng số tiền là 400.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a Khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự cho bị cáo như Quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tác động gia đình bồi thường số tiền 100.000.000 đồng cho bị hại nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngoài ra, trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích được các cơ quan thẩm quyền tặng Giấy khen, bị cáo là người có bệnh nặng hiểm gặp, khó điều trị đã cung cấp hồ sơ bệnh án. Do đó, đã áp dụng các điểm điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Mặt khác, bị cáo trình bày thêm tình tiết đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại, xin cho bị cáo được xin giảm hình phạt và hưởng án treo, đồng thời bị cáo đã nhận thức hành vi phạm tội của mình là sai trái, thực sự ăn năn hối cải về hành vi của mình. Đây là các tình tiết mới nên cần xem xét cho bị cáo nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Xét, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt bị hại là tình tiết đặc biệt quan trọng trong khi xử lý các loại án chiếm đoạt tài sản. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm cũng như căn cứ vào hồ sơ bệnh án thể hiện bị cáo đang mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo, rất hiểm gặp và khó điều trị, không đủ khả năng sinh hoạt bình thường cần có sự trợ giúp của người thân, cần có thuốc đặc trị khi chữa bệnh. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, trong suốt thời gian tại ngoại không vi phạm pháp luật nào khác, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định là cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo điều trị bệnh.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm e Khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân T, sửa bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 03 (ba) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo Trần Xuân T phải trải qua thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện R, tỉnh Đắk Nông giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Trần Xuân T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo Trần Xuân T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo)

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Đặng An Thanh

Trần Thị Hòa Hiệp